

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 50/2024/DS-ST

Ngày 14/08/2024.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản ”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Văn Xuyên.

- **Hội thẩm nhân dân:**

[1]. Ông Trần Ngọc Thiện;

[2]. Bà Trần Thị Chín;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Chang – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hồng Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 và 14 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 232/2023/TLST-DS, ngày 15 tháng 11 năm 2023, về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa ra xét xử số: 65 /2024/QĐST-DS, ngày 06 tháng 06 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Th M; sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện của nguyên đơn theo ủy quyền:

ông Trịnh Đ Th, sinh năm 1992.(có mặt)

Địa chỉ: A009.11, Chung cư F, 1061, đường Phạm V, khu phố 1, phường L, TP.Thủ Đức.TP.Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn V H; sinh năm 1975

Bà Phan Th D N; sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn 3, xã Bom Bo , huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước .

Người Đại diện của bị đơn theo uỷ quyền:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2023 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 4 lần, cụ thể như sau:

Vào ngày 12/01/2023 bà Phan Th D N vay số tiền 150.000.000đ, tiền lãi 4.500.000đ/1 tháng.

Ngày 13/04/2023 bà Phan Th D N và ông Nguyễn Văn Hiền vay số tiền 400.000.000đ, tiền lãi 12.000.000đ/1 tháng. Hết mùa sầu riêng sẽ trả.

Vào ngày 12/06/2023 nguyên đơn có cho ông Nguyễn V H, bà Phan Th D N Vay số tiền 600.000.000đ, tiền lãi 18.00.000đ/1 tháng.

Vào ngày 22/06/2023 vay số tiền 500.000.000đ, tiền lãi 15.00.000đ/1 tháng.

Các lần vay đều thỏa thuận thời hạn vay 3 tháng nhưng đến nay chưa trả.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả các khoản vay, cụ thể như sau:

Số tiền gốc 150.000.000đ, tiền lãi trong hạn, mức lãi 1,667%/1 tháng x 3 tháng = 7.501.500đ ; Lãi quá hạn 2,5%/ tháng, đến khi trả nợ xong, tạm tính từ ngày 12/4/2023 đến tháng 10/2023 là 22.500.000đ.

Số tiền gốc 400.000.000đ, tiền lãi trong hạn, mức lãi 1,667%/1 tháng x 3 tháng = 20.004.000đ; Lãi quá hạn 2,5%/ tháng, đến khi trả nợ xong, tạm tính từ ngày 13/7/2023 đến tháng 10/2023 là 30.000.000đ.

Số tiền gốc 600.000.000đ, tiền lãi trong hạn, mức lãi 1,667%/1 tháng x 3 tháng = 30.006.000đ; Lãi quá hạn 2,5%/ tháng, đến khi trả nợ xong tạm tính từ ngày 12/9/2023 đến tháng 10/2023 là 15.000.000đ.

Số tiền gốc 500.000.000đ, tiền lãi trong hạn, mức lãi 1,667%/1 tháng x 3 tháng = 25.005.000đ; Lãi quá hạn 2,5%/ tháng đến khi trả nợ xong, tạm tính từ ngày 22/9/2023 đến tháng 10/2023 là 12.500.000đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.812.516.500đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện về mức lãi suất, yêu cầu tính lãi suất trong hạn theo quy định pháp luật với mức lãi 1,66%/1 tháng, mức lãi quá hạn 2,49%/1tháng, tính từ ngày 03/11/2023 đến khi Tòa án xét xử vụ án.

Bị đơn bà Phan Th D N trình bày: bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, lý do trong giấy vay tiền ngày 13/4/2023, 12/6/2023, 22/6/2023 và ngày 22/1/2023 không phải chữ ký của bị đơn, bị đơn yêu cầu chứng minh việc giao nhận tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đủ trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của tòa án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản ".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy: Theo giấy thể hiện nội dung vay tiền mà nguyên đơn đã cung cấp thì vào ngày 12/01/2023 bà Phan Th D N có vay số tiền 150.000.000đ, có bà Lê Thị Đồi chứng kiến. Theo giấy vay tiền không thể hiện về thời hạn và lãi suất cho vay.

Ngày 13/04/2023 ông Nguyễn V H, bà Phan Th D N vay số tiền 400.000.000đ, có bà Lê Thị Đồi chứng kiến. Có hẹn hết mùa sầu riêng sẽ trả (khoảng tháng 7/2023, vay 3 tháng), lãi suất thỏa thuận 3%/ 1 tháng.

Vào ngày 12/06/2023 bà Phan Th D N vay số tiền 600.000.000đ, có bà Lê Thị Đồi và con trai bà Năm là anh Nguyễn Nhật Duy chứng kiến, theo giấy vay tiền không thể hiện về thời hạn cho vay, còn lãi suất thỏa thuận là 3%/1 tháng.

Vào ngày 22/06/2023 bà Phan Th D N vay số tiền 500.000.000đ, có bà Lê Thị Đồi và con trai bà Năm là anh Nguyễn Nhật Duy chứng kiến, theo giấy vay tiền không thể hiện về thời hạn cho vay, còn lãi suất thỏa thuận là 3%/1 tháng.

Nguyên đơn cho rằng thời hạn mỗi lần vay là 3 tháng, phía bị đơn không thừa nhận, tuy nhiên vào ngày 23/10/2023 nguyên đơn có gửi thông báo yêu cầu bị đơn trả nợ trong thời hạn 2 ngày kể từ ngày nhận thông báo, ngày 31/10/2023 bị đơn đã nhận thông báo nhưng đến nay chưa trả, bị đơn cho rằng trong các giấy vay tiền không phải chữ ký của mình nhưng lại không thực hiện thủ tục giám định chữ ký và chữ viết.

Các lần vay tiền vào ngày 12/06/2023 và ngày 22/06/2023 có con bà Năm là anh Nguyễn Nhật Duy chứng kiến, ký và viết họ tên, tuy nhiên Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Duy đều vắng mặt không có lý do.

Ông Nguyễn V H đều vắng mặt không có lý do.

Người làm chứng bà Lê Thị Đồi xin vắng mặt tại phiên toà, lời khai cho rằng do có sự quen biết các bên, thấy bà Phan Th D N, ông Nguyễn V H cần vay tiền nhưng vay chỗ khác lãi suất cao hơn, nên bà giới thiệu đến vay tiền của bà Lê Th M lãi suất thấp hơn, chính vì vậy các lần vay tiền thì các bên đều yêu cầu bà ký chứng kiến việc vay tiền nên bà biết.

Như vậy căn cứ vào các giấy có nội dung vay tiền mà nguyên đơn cung cấp có đủ căn cứ xác định tổng số tiền 1.650.000.000đ mà bị đơn đã vay của nguyên đơn là đúng, đã hết thời hạn trả nợ mà bị đơn chưa trả nên cần buộc bị đơn liên đới trả cho nguyên đơn.

Xét về khoản tiền lãi, xét thấy:

Số tiền vay 150.000.000đ, trong giấy không thỏa thuận về thời hạn trả nợ và tiền lãi, ngày 23/10/2023 nguyên đơn có gửi thông báo yêu cầu bị đơn trả tổng số nợ trong thời hạn 2 ngày kể từ ngày nhận thông báo, ngày 31/10/2023 bị đơn đã nhận thông báo, vì vậy cần tính lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ, từ ngày 03/11/2023 đến nay 13/08/2024 là 09 tháng 10 ngày:
 $150.000.000đ \times 0,83\%/1 \text{ tháng} \times 09 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 11.620.000đ.$

Đối với các khoản vay còn lại các bên có thỏa thuận 3%/1 tháng là cao hơn quy định pháp luật, vì vậy cần áp dụng mức phạm vi cho phép cao nhất 1,66%/1 tháng và tính như sau:

a/ Số tiền vay 400.000.000đ, vay ngày 13/04/2023, có hạn thời hạn hết mùa sầu riêng sẽ trả (khoảng tháng 7/2023) thời hạn 3 tháng, tức hết ngày 13/7/2023, tiền lãi trong hạn, mức lãi 1,66%/1 tháng x 3 tháng = 19.920.000đ.

Lãi quá hạn bằng $1,66\% \times 150\% = 2,49\%/1\text{tháng}$, tính từ ngày 14/7/2023 đến nay 13/08/2024 là 13 tháng 1 ngày:

$400.000.000\text{đ} \times 2,49\%/1\text{tháng} \times 13\text{ tháng 1 ngày} = 92.960.000\text{đ}$.

b/ Số tiền vay 600.000.000đ, tiền lãi trong hạn, mức lãi 1,66%/1 tháng kể từ ngày vay, trong giấy vay tiền không thỏa thuận về thời hạn trả nợ nên cần tính từ ngày 12/06/2023 đến ngày theo thông báo cuối cùng 02/11/2023 là 4 tháng 21 ngày:

$600.000.000\text{đ} \times 1,66\%/1\text{ tháng} \times 4\text{ tháng 21 ngày} = 46.812.000\text{đ}$.

Tiền lãi quá hạn từ ngày 03/11/2023 đến nay 13/08/2024 là 9 tháng 10 ngày:

$600.000.000\text{đ} \times 2,49\%/1\text{tháng} \times 9\text{ tháng 10 ngày} = 139.440.000\text{đ}$.

c/ Đối với khoản vay số tiền gốc 500.000.000đ, tiền lãi trong hạn, mức lãi 1,66%/1 tháng, trong giấy vay tiền không thỏa thuận về thời hạn trả nợ nên cần tính từ ngày 22/06/2023 đến ngày thông báo cuối cùng 02/11/2023 là 4 tháng 11 ngày:

$500.000.000\text{đ} \times 1,66\%/1\text{ tháng} \times 4\text{ tháng 11 ngày} = 36.243.326\text{đ}$.

Tiền lãi quá hạn từ ngày 03/11/2023 đến nay 13/08/2024 là 9 tháng 10 ngày:

$500.000.000\text{đ} \times 2,49\%/1\text{tháng} \times 9\text{ tháng 10 ngày} = 116.200.000\text{đ}$.

Tổng số tiền lãi: 463.195.326.000đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi 2.113.195.326đ, cần buộc ông Nguyễn V H, bà Phan Th D N liên đới trả cho bà Lê Th M.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn V H, bà Phan Th D N liên đới nộp án phí theo luật định là 72.263.906đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Lê Th M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 33.187.747đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001363 ngày 15/11/2023.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn V H, bà Phan Th D N liên đới trả cho nguyên đơn bà Lê Th M số tiền vay gốc 1.650.000.000đ, tiền lãi: 463.195.326.000đ, Tổng cộng cả gốc và lãi 2.113.195.326đ.

[2]. Về án phí: Buộc bị đơn ông Nguyễn V H, bà Phan Th D N liên đới nộp tiền án phí DSST là 72.263.906đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Lê Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 33.187.747đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001363 ngày 15/11/2023.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHA huyện BĐ;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên